

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Danh mục trả nợ dự án hoàn thành giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ

(Kèm theo Tờ trình số 193/TTr-PKT ngày 30 / 12 /2025 của Phòng Kinh tế)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Nợ sau quyết toán dự án hoàn thành	Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026 của đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó	
						Vốn phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	
	TỔNG SỐ		1.580,952	522,124	522,124	522,124	0,000	
1	Trả nợ dự án Đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	Phòng Kinh tế xã	1.580,952	522,124	522,124	522,124	0,000	

Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ
(Kèm theo Tờ trình số 193/TTr-PKT ngày 30 / 12 /2025 của Phòng Kinh tế)

DVT: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026	Trong đó, nguồn vốn		Ghi chú
			XDCB tập trung	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	3.657,500	2.850,000	807,500	
I	Bố trí cho các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xã (Vốn phân cấp)	3.657,500	2.850,000	807,500	
1	Trả nợ dự án hoàn thành từ giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ	522,124	522,124		<i>Phụ lục 1</i>
2	Khởi công mới năm 2026	3.135,376	2.327,876	807,500	<i>Phụ lục 2</i>

* *Tiết kiệm chi 5% với số tiền 192,5 triệu đồng theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ*

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ
Danh mục dự án khởi công mới 2026
(Kèm theo Tờ trình số 193/TTr-PKT ngày 30 / 12 /2025 của Phòng Kinh tế)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Nhóm dự án	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 2026-2030	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
								Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							Số Quyết định	Tổng số	Trong đó: NSX			XDCB	Nguồn thu tiền SDD	
	TỔNG SỐ							4.100	4.100	4.100	3.135,376	2.327,876	807,500	
1	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường nội bộ trung tâm xã	C	Phòng Kinh tế xã	xã Thiện Tín		2026	QĐ số 1222/QĐ-UBND ngày 19/12/2025	1.800	1.800	1.800	1.350,000	1.050,000	300,000	
2	Tuyến đường BTXM từ ĐT.624B - Nhà văn hoá Ngọc Sơn	C	Phòng Kinh tế xã	xã Thiện Tín		2026	QĐ số 1223/QĐ-UBND ngày 19/12/2025	1.800	1.800	1.800	1.350,000	1.050,000	300,000	
3	Tuyến đường BTXM từ ĐT.624B - nhà ông Hưng	C	Phòng Kinh tế xã	xã Thiện Tín		2026	QĐ số 1224/QĐ-UBND ngày 19/12/2025	500	500	500	435,376	227,876	207,500	